

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – HUNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2026/HS-ST

Ngày: 21 - 01 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – HUNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lý

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Văn Tiến

2. Bà Đỗ Thị Thu Hà

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hà Thị Qh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Hung Yên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hung Yên tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Viết Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Hung Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 99/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2026/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo:

Phùng Phương M, sinh ngày 14/02/2005; Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, tỉnh Hung Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Phùng Văn M1 và bà Nguyễn Thị T1; Có chồng là Nguyễn Văn H và có 01 con sinh ngày 18/4/2025.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Quyết định số 45/QĐ-XPHC ngày 11/5/2021 của Công an huyện N, tỉnh H1 (nay là thành phố H2) xử phạt Phùng Phương M 500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, ngày 14/5/2021 đã nộp phạt xong.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Đỗ Thị N1, sinh năm 1984. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn T2, xã Đ, tỉnh Hưng Yên.

Người làm chứng:

- Anh Vũ Đăng N2, sinh năm: 2001. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn T3, xã B, tỉnh Hưng Yên.

- Anh Nguyễn Ngọc N3, sinh năm: 1981. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 4, xã Đ1, tỉnh Hưng Yên. (vắng mặt)

- Chị Trương Thị N4, sinh năm: 1986. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ2, xã Q, tỉnh Hưng Yên.

- Anh Hoàng Văn T4, sinh năm: 1992. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ3, xã B1, tỉnh Hưng Yên.

- Ông Nguyễn Hữu T5, sinh năm: 1973. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 5, xã Đ1, tỉnh Hưng Yên.

- Chị Vũ Thị Thanh N5, sinh năm: 1990. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn K 1, xã B2, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/8/2025, Phùng Phương M xin vào làm việc tại quán spa của chị Đỗ Thị N1 với công việc được giao giúp việc khi có khách đến làm móng, cắt tóc gội đầu và làm đẹp. Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 10/8/2025, M điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 17AE-039.41 từ nhà đến quán chị N1 làm việc, lúc này trong quán có chị N1 đang cắt tóc cho khách và chị Phạm Thị H3, sinh năm 2008, trú tại thôn K1, xã Đ, tỉnh Hưng Yên là nhân viên của quán. Sau khi cắt tóc xong chị N1 ra ghế phòng khách nằm xem điện thoại còn M và chị H3 nằm ở ghế phòng làm việc chơi điện thoại. Do trước đó M biết được chị N1 hay lên tầng 02 để lấy tiền trả lại cho khách nên M nảy sinh ý định trộm cắp tiền của chị N1. Khoảng 15 giờ cùng ngày, M quan sát thấy chị N1 và chị H3 đang tập trung xem điện thoại không để ý, M đi lên tầng 02 nhà chị N1 lục tìm tài sản ở tủ gỗ nhưng không có tài sản gì. M tiếp tục đi lên gác lửng tầng 02 nhà chị N1, thấy có 01 phòng mở cửa trong phòng có 02 tủ, 01 tủ gỗ và 01 tủ nhựa của trẻ em. M đi vào vị trí để tủ nhựa mở ngăn kéo để lục tìm tài sản thì thấy tủ bị khóa, M giật mạnh làm khóa bật ra. M thấy trong ngăn kéo trên cùng có 01 túi nilon màu đỏ,

bên trong có 01 tập tiền các mệnh giá 20.000 đồng, 50.000 đồng, 100.000 đồng, 500.000 đồng được buộc bằng dây cao su cùng một số tờ tiền lẻ không buộc và 06 hộp nhựa màu đỏ hình tròn đựng 07 nhẫn vàng, gồm: 02 hộp to đựng 03 nhẫn, mỗi nhẫn 02 chỉ và 04 hộp nhỏ đựng 04 nhẫn, mỗi nhẫn 01 chỉ. M cầm tập tiền cho vào túi quần bên trái và 06 hộp đựng vàng cho vào túi quần bên phải đi xuống tầng 01 nhà chị N1, thấy chị N1 và chị H3 vẫn nằm sử dụng điện thoại không để ý, M đi ra chỗ để xe của mình ở trước cửa nhà ông Nguyễn Trung T6 cạnh nhà chị N1 mở cốp xe bỏ toàn bộ số tiền, vàng trộm cắp của chị N1 vào trong cốp và quay vào nhà chị N1 làm việc bình thường. Khoảng 19 giờ cùng ngày M đi về, nhưng không về nhà mà đi xuống xã Đ1 (thị trấn Đ1 cũ) mục đích để chuyển số tiền trộm cắp của chị N1 vào tài khoản của mình và bán số vàng trộm cắp của chị N1. Khi đi đến gần cây xăng T7, địa phận thôn T8, xã Đ, M dừng xe ở cạnh Quốc lộ 39 mở cốp xe lấy toàn bộ số tiền và 07 nhẫn vàng bỏ vào trong túi xách của mình để trong cốp xe, còn 06 hộp đựng vàng M vứt xuống cạnh đường, rồi đi đến cây ATM của Ngân hàng M2 ở ngã ba xã Đ1 để chuyển số tiền trộm cắp của chị N1 vào tài khoản của mình. Khi đến cây ATM, M mở cốp xe lấy tập tiền trộm cắp của chị N1 ra đếm được 9.900.000 đồng và vào để thực hiện giao dịch thì cây ATM báo lỗi không chuyển tiền vào tài khoản được, M đi ra thì gặp chị Vũ Thị Thanh N5 vào rút tiền, M bảo chị N5 chuyển tiền vào tài khoản của M để M đưa tiền mặt cho chị N5, do tài khoản của chị N5 chỉ còn 4.900.000 đồng nên chị N5 đồng ý chuyển vào số tài khoản 0009969928031 của M số tiền 4.900.000 đồng, sau đó M lấy 4.900.000 đồng trong số tiền trộm cắp của chị N1 đưa cho chị N5 rồi đi về. Trên đường về, M vào cửa hàng vàng bạc Tình Tài của ông Nguyễn Hữu T5 mục đích để bán số vàng trộm cắp của chị N1 nhưng thấy giá vàng thấp nên M không bán mà nhờ ông T5 chuyển khoản số tiền 7.000.000 đồng, ông T5 đồng ý. M đưa cho ông T5 7.000.000 đồng tiền mặt, trong đó 5.000.000 đồng là tiền M trộm cắp của chị N1 và 2.000.000 đồng tiền của M, ông T5 lấy tiền và chuyển khoản cho M 7.000.000 đồng, sau đó M đi về. Khoảng 07 giờ ngày 11/8/2025, M lấy ở cốp xe mô tô 05 nhẫn vàng, gồm 01 nhẫn 02 chỉ và 04 nhẫn mỗi nhẫn 01 chỉ mang lên cất giấu ở túi áo khoác trong tủ phòng ngủ của M, còn 02 nhẫn vàng mỗi nhẫn 02 chỉ M để trong cốp xe và đi xuống quán nhà chị N1 làm việc, khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày do quán không có khách và chị N1 đang ở trên tầng nên M nhờ chị H3 bảo chị N1 cho M về sớm. Sau đó M xuống cửa hàng vàng bạc L ở đường B3, xã Đ1 bán 01 nhẫn vàng 02 chỉ được 21.620.000 đồng và sang cửa hàng vàng bạc M3 cùng ở đường B3 đổi 01 nhẫn vàng 02 chỉ và bù thêm tiền mua một dây chuyền vàng 03 chỉ giá 33.340.000 đồng để sử dụng. Sau đó M đi

sang cửa hàng điện thoại T9 ở khu đô thị T10, Quốc lộ 10, xã Đ1 bán chiếc điện thoại Iphone 15 Promax của mình được 16.500.000 đồng và chuyển khoản số tiền 8.000.000 đồng là tiền trộm cắp của chị N1 và 5.000.000 đồng tiền của M cho anh T4 để mua chiếc điện thoại Iphone 16 Promax bản 256GB với giá 29.500.000 đồng, sau khi mua xong điện thoại M đi sang cửa hàng Viettel mua sim mới và nhờ nhân viên cửa hàng chuyển vào tài khoản số tiền 12.700.000 đồng là tiền bán vàng trộm cắp của chị N1 còn lại và tiền của M rồi về nhà ở thôn T. Ngày 11/8/2025, chị N1 phát hiện tài sản của mình gồm 9.900.000 đồng và 07 nhẫn vàng có trọng lượng 10 chỉ bị mất đã làm đơn trình báo Công an xã Đ. Quá trình điều tra làm rõ, bị cáo Phùng Phương M đã thừa nhận hành vi trộm cắp số tiền, vàng trên của chị N1.

Bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của UBND xã Đ kết luận: Giá trị thực 10 chỉ vàng bị cáo Phùng Phương M trộm cắp của chị Đỗ Thị N1 ngày 10/8/2025 là 107.966.666 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho bị hại toàn bộ số tài sản bị thiệt hại, chị N1 không có yêu cầu gì khác và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Bản Cáo trạng số 61/CT-VKSKV7 ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên truy tố Phùng Phương M về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phùng Phương M khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên giữ nguyên quan điểm đã truy tố trong bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tội danh: Tuyên bố bị cáo Phùng Phương M phạm tội "Trộm cắp tài sản".
- Hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phùng Phương M mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

- Xử lý vật chứng: Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 Promax, màu vàng, số imei1: 356910639513076, số imei2: 356910639475532 đã qua sử dụng.

- Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên đã truy tố và không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo Phùng Phương M nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Phùng Phương M khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, kết luận định giá tài sản và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ ngày 10/8/2025, tại quán spa của chị Đỗ Thị N1 ở thôn T2, xã Đ, tỉnh Hưng Yên, Phùng Phương M có hành vi trộm cắp của chị N1 07 nhẫn tròn bằng vàng, có trọng lượng 10 chỉ, gồm 03 nhẫn mỗi nhẫn 02 chỉ, 04 nhẫn mỗi nhẫn 01 chỉ, trị giá 107.966.666 đồng và 9.900.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Tổng trị giá tài sản M trộm cắp là 117.866.666 đồng.

Hành vi trên của Phùng Phương M đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Bản thân bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi do mình thực hiện nhưng vẫn cố ý phạm tội. Bị cáo đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp nhưng không lấy đó làm bài học, không rèn luyện bản thân mà còn vi phạm pháp luật.

[4] Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên truy tố đối với bị cáo Phùng Phương M về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 01 năm tuổi nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Căn cứ tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để cải tạo, giáo dục bị cáo, góp phần đấu tranh phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho bị hại toàn bộ số tài sản bị thiệt hại, chị N1 không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra giải quyết.

[9] Xử lý vật chứng: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 Promax, màu vàng đã qua sử dụng là tài sản của bị cáo do đó trả lại cho bị cáo.

[10] Đối với chị Vũ Thị Thanh N5, anh Nguyễn Hữu T5, anh Vũ Đăng N2, anh Nguyễn Ngọc N3, chị Trương Thị N4 và anh Hoàng Văn T4 là những người được bị cáo Phùng Phương M nhờ chuyển khoản, mua bán vàng và làm lại số sim điện thoại, những người này không biết số tiền giao dịch là tiền M trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

[11] Về án phí: Bị cáo Phùng Phương M phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố: Bị cáo Phùng Phương M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Xử phạt bị cáo Phùng Phương M 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.
3. Trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.
4. Xử lý vật chứng: Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 Promax, màu vàng, số imei1: 356910639513076, số imei2: 356910639475532 đã qua sử dụng.

(Vật chứng đã được chuyển đến Phòng thi hành án dân sự khu vực 7, tỉnh Hưng Yên theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17/12/2025).

5. Về án phí: Bị cáo Phùng Phương M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND khu vực 7 – Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- CQCSĐT Công an tỉnh Hưng Yên;
- THAHS Công an tỉnh Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 7, tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lý